

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2018/HSST
Ngày: 19-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Liễu.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
 1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.
 2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HS ngày 09/4/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Số 130, đường số 29, khu nhà ở T, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1963; vợ tên Kiều Thị N, sinh năm 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 13/9/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Hoàng Đức T, sinh năm 1975 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 23A, đường 10, khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Hoàng Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948; vợ tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1976; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Lê Văn T, sinh năm 1991 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 554, phường T, quận T, Thành phố

Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1974; vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Hoàng Văn H, sinh năm 1986 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 36/10B, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Hoàng Văn K, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1965; vợ tên Trần Thị Thùy L, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Đội 4, thôn A, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 28/13, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1961 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1963; vợ tên Phạm Thị T, sinh năm 1990; có 03 con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Số 43, đường 154, khu phố 3, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1938; vợ tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 233/47 tổ 3, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Đào Thị T, sinh năm 1966; vợ tên Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/10/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1978 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 35B, tổ 32, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm

1984; có 03 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Nguyễn Văn M, sinh năm 1969 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 41/15 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1935; vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; có 03 con lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1983 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 2, đường số 3, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957; vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; có 02 con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

11. Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ 17, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1957 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1956; vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

12. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1985 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn A, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 40B, khu dân cư VietSing, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; có 02 con, sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

13. Nguyễn Văn V, sinh năm 1998 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 82/57, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Đào Thị T, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 13/9/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

14. Trần Ngọc H, sinh năm 1977 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Đội 7, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 27/1A, đường 147, tổ 5, khu phố 3, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Trần Ngọc Diên (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; vợ tên Nguyễn Thị L1, sinh năm 1988; có 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

15. Hoàng Văn N, sinh năm 1977 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 67, đường Lê Thị Hoa, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; vợ tên Hoàng Thị H, sinh năm 1978; có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

16. Nguyễn Văn M, sinh năm 1990 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ 35B, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; vợ tên Hồ Thị H, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

17. Trương Anh T, sinh năm 1981 tại tỉnh Hà Nam; thường trú: Xóm 2, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; tạm trú: Số 249/41, tổ 2, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Trương Văn B, sinh năm 1955 và bà Trần Thị L, sinh năm 1955; vợ tên Nguyễn Thị O, sinh năm 1983; có 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/10/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

18. Trần Ngọc A, sinh năm 1983 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Xóm 3, thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; tạm trú: Số 210/3, tổ 10, khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Trần Ngọc D, sinh năm 1948 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1958; vợ tên Vũ Minh T, sinh năm 1985; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 24/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

19. Đặng Văn T, sinh năm 1983 tại tỉnh Thái Nguyên; thường trú: Xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; tạm trú: Số 230/10, khu phố 3, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 3/12;

quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Đặng Văn H, sinh năm 1959 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1958; vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

20. Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Xóm Ốc, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; tạm trú: Tổ 25B, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948; vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; có 02 con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

21. Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1988 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Số 233/84/23/6, tổ 3, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Mạnh H (đã chết) và bà Lưu Thị T, sinh năm 1961; vợ tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

22. Đặng Chiến H, sinh năm 1988 tại tỉnh Quảng Trị; thường trú: Số 13/38/4, đường 10, khu phố 2, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Đặng T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965; vợ tên Huỳnh Thanh H, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

23. Nguyễn Văn D, sinh năm 1967 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ 6, ấp Trung, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1930 và bà Bùi Thị N (đã chết); vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

24. Nguyễn Văn V, sinh năm 1972 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 79, đường số 9, khu phố 5, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị T (đã chết); vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; có 02 con lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền

sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

25. Hoàng Văn N1, sinh năm 1975 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 35B/10, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

26. Hoàng Văn Q, sinh năm 1985 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 63/17/1, đường số 10, khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1957 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1961; vợ tên Tạ Thị Thúy N, sinh năm 1991; có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

27. Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 554, T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1964; vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 21/8/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2017; bị cáo tại ngoại, có mặt.

28. Trần Minh N, sinh năm 1987 tại tỉnh Phú Thọ; thường trú: Thôn P, xã B, huyện H, tỉnh Phú Thọ; tạm trú: Số 3, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Trần Minh T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; vợ tên Trần Thị N, sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/8/2017, Trần Ngọc A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn N, Trần Minh N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990), Trần Ngọc A, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn

Văn H, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983), Hoàng Văn Q, Hoàng Văn N1, Nguyễn Văn C, Đặng Chiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn T, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn V, Hoàng Đức T, Nguyễn Mạnh L, Lê Văn T, Nguyễn Văn V1, Trương Anh T, đến nhà của Nguyễn Văn H1 ở tổ 41 khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương dự tiệc tân gia. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi dự tiệc xong thì tất cả cùng nhau lên tầng 3, phòng thờ của nhà Hải để chơi xóc đĩa chẵn lẻ, thắng thua bằng tiền. Hình thức chơi, mỗi ván đặt từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày khi Trần Ngọc A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn N, Trần Minh N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990), Trần Ngọc H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983), Hoàng Văn Q, Hoàng Văn N1, Nguyễn Văn C, Đặng Chiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn T, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn V, Hoàng Đức T, Nguyễn Mạnh L, Lê Văn T, Nguyễn Văn V1, Trương Anh T và Nguyễn Văn H1 đang chơi xóc đĩa thắng thua bằng tiền thì lực lượng công an vào kiểm tra phát hiện bắt giữ. Tiền tang trên chiếu bạc là 11.600.000 đồng.

Vật chứng: Số tiền 108.730.000 đồng; 01 bộ xóc đĩa gồm 01 cái chén, 01 cái đĩa và 04 miếng giấy hình tròn.

Qua điều tra xác định được các con bạc sử dụng tiền để đánh bài thắng thua bằng tiền cụ thể như sau:

1/ Nguyễn Văn H1 mang theo 18.000.000 đồng, sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Hải thua 2.000.000 đồng và bị thu giữ trong người 16.000.000 đồng. Ngoài ra, Hải cho Trần Ngọc A vay 40.000.000 đồng và Hoàng Văn N 10.000.000 đồng để đánh bạc.

2/ Trần Ngọc A mang theo 4.000.000 đồng, vay của Nguyễn Văn H1 40.000.000 đồng và vay của Nguyễn Văn D 10.000.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi, Anh thua 37.000.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ số tiền trên người là 17.000.000 đồng.

3/ Nguyễn Văn D mang theo 12.500.000 đồng, sử dụng 2.500.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Dương thua 1.500.000 đồng và bị thu giữ trong người 11.000.000 đồng.

4/ Nguyễn Văn N mang theo 22.000.000 đồng, sử dụng 5.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Ngọc thắng 5.000.000 đồng và bị thu giữ trong người 27.000.000 đồng.

5/ Nguyễn Văn T mang theo 1.500.000 đồng, sử dụng 1.500.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Thanh thua 350.000 đồng và bị thu giữ trong người 1.150.000 đồng.

6/ Hoàng Văn N mang theo 10.000.000 đồng, vay của Nguyễn Văn H1 10.000.000 đồng, sử dụng 20.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Ngạn thua 10.000.000 đồng và bị thu giữ trong người 10.000.000 đồng.

7/ Trần Minh N mang theo 4.700.000 đồng, sử dụng 4.700.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Nam thua 3.000.000 đồng và bị thu giữ trong người là 280.000 đồng. Tiền trên chiếu bạc Nam có 1.420.000 đồng.

8/ Nguyễn Văn M mang theo 700.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Mạnh thua 400.000 đồng và bị thu giữ trong người 300.000 đồng.

9/ Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990) mang theo 1.300.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Thịnh thắng 200.000 đồng và bị thu giữ trong người 1.500.000 đồng.

10/ Trần Ngọc H mang theo 300.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Hùng thua 300.000 đồng.

11/ Nguyễn Văn T2 mang theo 6.000.000 đồng, sử dụng 6.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Tư thắng 200.000 đồng và bị thu giữ trong người 6.200.000 đồng.

12/ Nguyễn Văn D mang theo 17.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Dũng thắng 1.100.000 đồng và bị thu giữ trong người 18.100.000 đồng.

13/ Nguyễn Văn Q mang theo 10.200.000 đồng, sử dụng 10.200.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Quỳnh thua 10.200.000 đồng.

14/ Nguyễn Văn H mang theo 6.200.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Hùng thua 200.000 đồng và bị thu giữ trong người 6.000.000 đồng.

15/ Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983) mang theo 11.500.000 đồng, sử dụng 2.500.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Thịnh thắng 1.200.000 đồng và bị thu giữ trong người 12.700.000 đồng.

16/ Hoàng Văn Q mang theo 700.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt thua 700.000 đồng.

17/ Hoàng Văn N1 mang theo 26.800.000 đồng, sử dụng 14.800.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Ngân thắng 200.000 đồng và bị thu giữ trong người 27.000.000 đồng.

18/ Nguyễn Văn C mang theo 300.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi thua 300.000 đồng.

19/ Đặng Chiến H mang theo 22.300.000 đồng, sử dụng 2.300.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Hoàng thua 1.000.000 đồng và bị thu giữ trong người 21.300.000 đồng.

20/ Nguyễn Văn Miến mang theo 25.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Miến thắng 7.800.000 đồng và bị thu giữ trong người 32.800.000 đồng.

21/ Đặng Văn T mang theo 150.000 đồng, sử dụng 150.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi thua 150.000 đồng.

22/ Hoàng Văn H mang theo 1.500.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Hoan thua 200.000 đồng và bị thu giữ trong người 1.300.000 đồng.

23/ Nguyễn Văn V mang theo 14.600.000 đồng, sử dụng 14.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Võ thua 1.000.000 đồng và bị thu giữ trong người 13.600.000 đồng.

24/ Hoàng Đức T mang theo 16.900.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Tài không thắng không thua và bị thu giữ trong người 16.900.000 đồng.

25/ Lê Văn T mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Tài thua 900.000 đồng và bị thu giữ trong người 100.000 đồng.

26/ Nguyễn Văn V1 mang theo 400.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi thua 400.000 đồng.

27/ Nguyễn Mạnh L mang theo 11.200.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình chơi đến khi bị bắt, Lộc thua 700.000 đồng và bị thu giữ trên người 10.500.000 đồng.

28/ Trương Anh T mang theo 500.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng vào việc đánh bạc. Trong số tiền tang 11.600.000 đồng có 500.000 đồng của Thế.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 153.650.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 74/QĐ - KSĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H1, Trần Ngọc A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn N, Trần Minh N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990), Trần Ngọc H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983), Hoàng Văn Q, Hoàng Văn N1, Nguyễn Văn C, Đặng Chiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn T, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn V, Hoàng Đức T, Nguyễn Mạnh L, Lê Văn T, Nguyễn Văn V1 và Trương Anh T về tội “Đánh bạc” theo điểm b, khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p, khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn H1, Trần Ngọc A, Hoàng Văn N1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn V, Hoàng Văn N, mỗi bị cáo mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm; phạt bổ sung bị cáo Trần Ngọc từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T2, Đặng Chiến H, Nguyễn Văn T, Trần Minh N, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990), Nguyễn Văn D, Trần Ngọc H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983), Hoàng

Văn Q, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Miến, Đặng Văn T, Hoàng Văn H, Hoàng Đức T, Lê Văn T, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Mạnh L và Trương Anh T, mỗi bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 bộ xóc đĩa gồm 01 cái chén, 01 cái đĩa và 04 miếng giấy hình tròn. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 108.730.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 17 giờ ngày 21/8/2017, tại nhà của Nguyễn Văn H1 ở tổ 41, khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, lực lượng công an kiểm tra, bắt giữ Nguyễn Văn H1, Trần Ngọc A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn N, Trần Minh N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990), Trần Ngọc H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983), Hoàng Văn Q, Hoàng Văn N1, Nguyễn Văn C, Đặng Chiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn T, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn V, Hoàng Đức T, Nguyễn Mạnh L, Lê Văn T, Nguyễn Văn V1 và Trương Anh T đang chơi xóc đĩa thắng thua bằng tiền thu giữ tiền tang trên chiếu bạc là 11.600.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 153.650.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền nhằm sát phạt lẫn nhau là nguy hiểm cho xã hội. Cáo trạng số 74/QĐ - KSDT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo về tội đánh bạc với tình tiết định khung là “tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện xảy ra trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực, do đó áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội sau khi đối chiếu cần áp dụng Bộ

luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có lợi cho các bị cáo nên được áp dụng khi xét xử.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự phân công vai trò cụ thể. Do lực lượng công an vào kiểm tra có 01 số người đã chạy thoát nên không xác định được ai là người đề xuất, chuẩn bị các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc; các bị cáo đều là đồng phạm trực tiếp tham gia đánh bạc.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Bị cáo Trương Anh T có cha là người có công với cách mạng.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người lao động, không có tiền án, tiền sự; các bị cáo Hoàng Văn N và Nguyễn Văn D đã hoàn thành xong nghĩa vụ quân sự.

[8] Về vật chứng: Xét 01 bộ xóc đĩa gồm 01 cái chén, 01 cái đĩa và 04 miếng giấy hình tròn, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 108.730.000 đồng là khoản tiền các bị cáo đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Xét các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, có việc làm ổn định, có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã có thời gian bị tạm giữ, tạm giam cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo; khi được thay đổi biện pháp ngăn chặn, các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương; các bị cáo đều là anh em, hàng xóm với nhau phạm tội tức thời sau khi tiệc tân gia kết thúc nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú là đủ và cũng không làm ảnh hưởng đến tình hình phòng chống tội phạm tại địa phương. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương phù hợp nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Ngọc A tham gia đánh bạc với số tiền lớn nên căn cứ vào khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 phạt bổ sung bị cáo Trần Ngọc A 10.000.000 đồng.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H1, Trần Ngọc A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn N, Trần Minh N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990), Trần Ngọc H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983), Hoàng Văn Q, Hoàng Văn N1, Nguyễn Văn C, Đặng Chiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn T, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn V, Hoàng Đức T, Nguyễn Mạnh L, Lê Văn T, Nguyễn Văn V1 và Trương Anh T phạm tội Đánh bạc.

1.1 Áp dụng điểm b, khoản 2 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2, 3 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trần Ngọc A về cho Ủy ban nhân dân phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Ngọc A 10.000.000 đồng.

1.2 Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hoàng Văn N1 về cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hoàng Văn N về cho Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn V về cho Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 về cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q về cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Đức T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hoàng Đức T về cho Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lê Văn Tài về cho Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hoàng Văn H về cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn D về cho Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990) 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao

bị cáo Nguyễn Văn T1 về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T về cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Miến 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn Miến về cho Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983) 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 về cho Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N năm 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn N về cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn M về cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 năm 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 về cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V1 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn V1 về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trần Ngọc H về cho Ủy ban nhân dân phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đặng Văn T về cho Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn C về cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh L 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Mạnh L về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đặng Chiến H 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đặng Chiến H về cho Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. bị cáo Giao Nguyễn Văn D về cho Ủy ban nhân dân phường xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hoàng Văn Q về cho Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn H về cho Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh N 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trần Minh N về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

1.3 Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trương Anh T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trương Anh T về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 108.730.000 đồng theo biên lai thu số AA/2013/00741 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ xóc đĩa gồm 01 cái chén, 01 cái đĩa và 04 miếng giấy hình tròn.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn H1, Trần Ngọc A, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn N, Trần Minh N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990), Trần Ngọc H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1983), Hoàng Văn Q, Hoàng Văn N1, Nguyễn Văn C, Đặng Chiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn T, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn V, Hoàng Đức T, Nguyễn Mạnh L, Lê Văn T, Nguyễn Văn V1 và Trương Anh T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (28);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- UBND nơi cư trú của các bị cáo (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễn

